TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 102/2023/HNGĐ-ST Ngày: 17 – 8 – 2023 V/v "Tranh chấp xin ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Cao Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Ngọc Dung.

Ông Ngô Minh Sơn.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lại Thị N, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2023 nguyên đơn bà Lại Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn phù hợp, mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Bà và ông T đã sống ly thân với

nhau hơn 10 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Bà và ông T có hai người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 10/3/2007 và Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 17/02/2013, hiện đang sống cùng bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bà Lại Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà vẫn bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lại Thị N khởi kiện xin ly hôn với Nguyễn Minh T, địa chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bà Lại Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên toà. Ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà N, ông T tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Bà Lại Thị N và ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau vào ngày 22/4/2009, do đó hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp. Bà N trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, đã được gia đình hai bên hàn gắn tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả, ông bà đã sống ly thân với nhau hơn 10 năm nay. Ông T đã được Toà án tống đạt thông báo về việc bà N yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến phản hồi. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông T là thực tế có xảy ra. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử bà N và ông T vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau. Xét thấy, hôn nhân của bà N và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lại Thị N đối với ông Nguyễn Minh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà N và ông T có hai người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 10/3/2007 và Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 17/02/2013, hiện đang sống cùng bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng. Ông T đã được Toà án thông báo về yêu cầu nuôi con của bà N tuy nhiên ông không có ý kiến phản hồi. Mặt khác, tại Đơn nguyện vọng ngày 29/6/2023 Ngọc H và Ngọc G có nguyện vọng được sống cùng với bà N. Xét thấy để đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt và theo nguyện vọng của Ngọc H và Ngọc G nên cần giao Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Ngọc G cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[4] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lại Thị N phải nộp 300.000 đồng. Bà N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0020488 ngày 09 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lại Thị N, bà Lại Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Giao hai người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 10/3/2007 và Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 17/02/2013 cho bà Lại Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu đặt ra xem xét.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà N.

Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lại Thị N phải nộp 300.000 đồng. Bà N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0020488 ngày 09 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Dung